

# Piney Ridge Elementary

Carroll County (06:0509)

% Tỷ Lệ Chuyên Cần	Trường		Quận		Tiểu bang	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016
Tiểu học	≥ 95.0	≥ 95.0	≥ 95.0	≥ 95.0	95.0	95.6
Sơ trung	*	*	≥ 95.0	≥ 95.0	94.6	95.1
Cao	*	*	94.8	≥ 95.0	91.3	92.4

Tỷ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm%	Trường		Quận		Tiểu bang	
	2017	2016	2017	2016	2017	2016
2017 (Tỷ Lệ 4 Năm)	*	≥ 95.00			87.67	
2016 (Tỷ Lệ 4 Năm)		*	≥ 95.00			87.61
2016 (Tỷ Lệ 5 Năm)	*	≥ 95.00			89.47	

“\*” cho biết không có học sinh nào hoặc có dưới 10 học sinh thuộc loại này.

## Tỷ Lệ Chuyên Cần

Tỷ Lệ Chuyên Cần là tỷ lệ học sinh trong trường đi học ít nhất một nửa số ngày học trung bình trong năm học. Các mục tiêu hàng năm về chuyên cần đã được đặt ra sao cho đến cuối năm học 2013-14, Tiểu Bang, các trường, và các hệ thống trường học sẽ đạt được và duy trì tỷ lệ chuyên cần ít nhất là 94 phần trăm.

## Tỷ Lệ Tốt Nghiệp Theo Nhóm

Bộ Giáo Dục Hoa Kỳ yêu cầu mỗi tiểu bang sử dụng tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm đã điều chỉnh cho trách nhiệm giải trình của trường. Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm đã điều chỉnh đảm bảo rằng tất cả học sinh nào vào lớp 9 cùng nhau sẽ được tính vào tỷ lệ tốt nghiệp khi kết thúc 4 năm và khi kết thúc 5 năm.

Dữ liệu về tỷ lệ học sinh tốt nghiệp theo nhóm trong năm 2017 là tỷ lệ 4 năm đối với nhóm học sinh vào học lớp chín lần đầu tiên vào mùa thu năm 2013, và tốt nghiệp không muộn hơn năm 2017. Dữ liệu về tỷ lệ học sinh tốt nghiệp theo nhóm trong năm 2016 là tỷ lệ 4 năm đối với nhóm học sinh vào học lớp chín lần đầu tiên vào mùa thu năm 2012, và tốt nghiệp không muộn hơn năm 2016. Tỷ lệ 5 năm trong năm 2016 là cùng một nhóm học sinh tốt nghiệp không muộn hơn năm 2017.

# Piney Ridge Elementary

## Hiệu suất đánh giá kết quả Tóm tắt các PARCC - 2017

		Mức Thành Tích											
		Trình độ 1			Trình độ 2		Trình độ 3		Trình độ 4		Trình độ 5		
		Không đáp ứng yêu cầu			Phần nào đáp ứng yêu cầu		Gần đáp ứng yêu cầu		Đáp ứng yêu cầu		Vượt yêu cầu		
		ĐÃ KIỂM TRA		Số	%	Số	%	Số	%	Số	%	Số	%
Tiếng Anh/Ngữ Văn 3	Tiểu bang	68779	14531	21.1	11851	17.2	14998	21.8	24435	35.5	2964	4.3	
	Quận	1841	225	12.2	244	13.3	468	25.4	852	46.3	*	≤5.0	
	Trường	98	6	6.1	17	17.3	17	17.3	54	55.1	*	≤5.0	
Tiếng Anh/Ngữ Văn 4	Tiểu bang	68070	9448	13.9	12793	18.8	17290	25.4	22543	33.1	5996	8.8	
	Quận	1871	151	8.1	211	11.3	451	24.1	869	46.4	189	10.1	
	Trường	102	*	≤5.0	8	7.8	25	24.5	58	56.9	8	7.8	
Tiếng Anh/Ngữ Văn 5	Tiểu bang	66143	8990	13.6	13100	19.8	16667	25.2	24659	37.3	2727	4.1	
	Quận	1845	108	5.9	263	14.3	488	26.4	907	49.2	*	≤5.0	
	Trường	81	*	≤5.0	10	12.3	14	17.3	48	59.3	6	7.4	
Toán 3	Tiểu bang	69107	9897	14.3	12592	18.2	16900	24.5	21589	31.2	8129	11.8	
	Quận	1848	*	≤5.0	153	8.3	398	21.5	926	50.1	304	16.5	
	Trường	98	*	≤5.0	5	5.1	20	20.4	47	48.0	23	23.5	
Toán 4	Tiểu bang	68355	9889	14.5	15346	22.5	17529	25.6	22392	32.8	3199	4.7	
	Quận	1877	*	≤5.0	175	9.3	434	23.1	1062	56.6	114	6.1	
	Trường	102	*	≤5.0	*	≤5.0	19	18.6	67	65.7	10	9.8	
Toán 5	Tiểu bang	66413	9006	13.6	15795	23.8	18053	27.2	19240	29.0	4319	6.5	
	Quận	1850	*	≤5.0	184	9.9	475	25.7	916	49.5	219	11.8	
	Trường	81	*	≤5.0	*	≤5.0	14	17.3	40	49.4	19	23.5	

### Chương Trình Hợp Tác Đánh Giá Sự Sẵn Sàng vào Đại Học và Đi Làm (PARCC)

Học sinh lớp 3-8 và học sinh trung học tham gia kỳ thi PARCC môn Anh Văn và Toán Học. PARCC bổ sung, nhưng không thay thế, Chương Trình Đánh Giá trong Trường Học Maryland hiện tại. Thành tích trong Đánh Giá Trường Học Thay Thế ở Maryland (dành cho học sinh khuyết tật), và Đánh Giá Trung Học Phổ Thông (HSA) Maryland về môn Sinh Học và Chính Phủ vẫn tiếp tục nằm trong hoạt động của Chương trình Đánh Giá trong Trường Học Maryland.

### Các Từ Mô Tả Trình Độ Thành Tích (PLD) PARCC

Các từ mô tả trình độ thành tích đối với môn ngữ văn Anh/đọc viết và Toán mô tả những gì một học sinh bình thường ở từng trình độ sẽ có thể thể hiện dựa trên trình độ thành thạo các tiêu chuẩn cấp lớp của các em.

- Trình độ 1: Không đáp ứng yêu cầu
- Trình độ 2: Phần nào đáp ứng yêu cầu
- Trình độ 3: Sắp đáp ứng yêu cầu
- Trình độ 4: Đã đáp ứng yêu cầu
- Trình độ 5: Vượt yêu cầu

## Tóm tắt Kết Quả Tham Gia Kỳ Thi PARCC - 2017

Kỳ Thi	2017		
	Tổng Số Học Sinh	Tổng Số Tham Gia	Tỉ Lệ Tham Gia
Tiếng Anh/Ngữ Văn 3	98	*	>= 95.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 4	102	*	>= 95.0
Tiếng Anh/Ngữ Văn 5	82	*	>= 95.0
Toán 3	98	*	>= 95.0
Toán 4	102	*	>= 95.0
Toán 5	82	*	>= 95.0

Xem [Reportcard.msde.maryland.gov](http://Reportcard.msde.maryland.gov) để biết thêm các thông tin cập nhật và đã phân loại.

Bảng này trình bày tỷ lệ tham gia trong môn Anh Văn và Toán Học dựa trên các kỳ thi PARCC. Dữ liệu thể hiện số học sinh đủ điều kiện tham gia đánh giá (tổng số học sinh), số học sinh tham gia đánh giá (số lượng học sinh tham gia) và tỷ lệ phần trăm số học sinh tham gia (tỷ lệ tham gia) vào năm 2017.